

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST  
Ngày 23/02/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Mẫn

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Thành

2. Bà Nguyễn Hoa Lại

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Huỳnh Hoàng Tuấn. Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Panal. Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/HSST-QĐ ngày 23/01/2022, đối với các bị cáo:

1/ Đào Ngọc D, sinh năm 1979, tại huyện P, tỉnh H.

Nơi cư trú: ấp LH, xã L, huyện P, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Đào Quốc H, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1952; **Anh, Chị em ruột: 03 người; CH1: không xác định; Con: có 01 người sinh năm 2001; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.**

Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2/ Nguyễn Cảnh E, sinh năm 1989, tại huyện C, tỉnh H.

Nơi cư trú: ấp L, thị trấn CT, huyện C, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Làm Tê; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962 ; **Anh, Chị em ruột: 03 người; Vợ: Bị cáo chưa có vợ; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.**

Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1974, tại huyện C, tỉnh H.

Nơi cư trú: ấp L, thị trấn CT, huyện C, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông: Nguyễn Văn T2, sinh năm 1939 và bà Lê Thị T3, sinh năm 1942; **Anh, Chị em ruột: 03 người; CH1: Nguyễn Văn D1, sinh năm 1969; Con: Chưa có con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.**

Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4/ Huỳnh Thị K, sinh năm 1979, tại huyện P, tỉnh H.

Nơi cư trú: ấp LH, xã L, huyện P, tỉnh H

Nghề nghiệp: Mua bán; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1950 (đã chết) và Trần Thị M, sinh năm 1952 (đã chết); **Anh, Chị em ruột: 07 người; CH1: Nguyễn Thành T4 sinh năm 1962; Con: có 01 người sinh năm 2004; Tiền án: Không; Tiền sự: có 01 tiền sự. Cụ thể:** Ngày 27/02/2020, Huỳnh Thị K bị Công an huyện P xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Ngày 05/3/2020 đã đóng phạt xong, hiện tại chưa xóa tiền sự.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5/ Nguyễn Lệ T, sinh năm 1966, tại huyện P, tỉnh H.

Nơi cư trú: ấp LH, xã L, huyện P, tỉnh H

Nghề nghiệp: Mua bán; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông: Nguyễn Văn T5 (đã chết) và bà Nguyễn Lệ A (đã chết); **Anh, Chị em ruột: 07 người; CH1: Phạm Văn C2, sinh năm 1957; Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1989; Tiền án: Không; Tiền sự: 02. Cụ thể:**

Ngày 08/10/2019, bị UBND huyện P ra Quyết định xử phạt hành chính số 6306/QĐ-XPVPHC, xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc và Quyết định xử phạt hành chính số 6307/QĐ-XPVPHC, xử phạt 7.500.000 đồng, về hành vi dùng nhà, chỗ ở để chứa bạc. Vào ngày 20/11/2019 và ngày 04/12/2019 đã đóng phạt xong, hiện tại chưa xóa tiền sự.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6/ Phan Thị H1 T2, sinh năm 1976, tại: huyện P, tỉnh H.

Nơi cư trú: ấp L, thị trấn CT, huyện C, tỉnh H

Nghề nghiệp: Làm vườn; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Phan Văn T6, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1949; **Anh, Chị em ruột: 04 người; CH1: Nguyễn Văn N, sinh năm 1975; Con: có 02 người, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2003; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.**

Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7/ Lê Thị H1, sinh năm 1974, tại huyện C, tỉnh H.

Nơi cư trú: ấp L, thị trấn CT, huyện C, tỉnh H.

Nghề nghiệp: Làm Tê; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông: Lê Văn Giáu, sinh năm 1938 và bà Phan Thị Năm, sinh năm 1937 (đã chết); **Anh, Chị em ruột: 08 người; CH1: Trần Thanh Nhân, sinh năm 1973; Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.**

Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8/ Nguyễn Văn T3, sinh năm 1956, tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Nơi cư trú: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông: Nguyễn Văn L, sinh năm 1920 (đã chết) và Nguyễn Thị K, sinh năm 1921 (đã chết); **Anh, Chị em ruột: 06 người; Vợ: Lê Thị H3, sinh năm 1968; Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.**

Bị bắt tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo đang tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Phan Thị Ngọc N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: khu vực X, phường A, quận B, TP. C. Vắng mặt.

2/ Võ Thị Mỹ N1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp TK, xã L, huyện P, tỉnh H. Vắng mặt.

3/ Nguyễn Văn R, sinh năm 1966.

Địa chỉ : ấp L, thị trấn CT, huyện C, tỉnh H. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ ngày 03/8/2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang phối hợp cùng Phòng PC02 Công an tỉnh Hậu Giang và Công an thị trấn CT, huyện C tiến hành kiểm tra và bắt quả tang tụ điểm đánh bạc tại ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh H gồm Đào Ngọc D, Nguyễn Lê T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị H, Huỳnh Thị K, Phan Thị Ngọc N, Võ Thị Mỹ N1, Trần Ngọc S, Lê Thị H1, Phan Thị H1 T1, Nguyễn Văn R.

Vật chứng T giữ được:

- T giữ tại chiếu bạc: Tiền Việt Nam 3.200.000 đồng;
- Hai bộ bài Tây đã qua sử dụng, hai bộ bài tây chưa sử dụng, một chiếc chiếu lát.

Tạm giữ trên người các bị can:

- 1) Đào Ngọc D tạm giữ trên người: 500.000 đồng, một điện thoại di động hiệu Oppo màu xanh đen đã qua sử dụng.
- 2) Nguyễn Văn T2 tạm giữ trên người: 1.900.000 đồng, một điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, cảm ứng đã qua sử dụng.
- 3) Nguyễn Lê T tạm giữ trên người: 300.000 đồng.
- 5) Nguyễn Thị H tạm giữ trên người: 60.000 đồng, một điện thoại di động hiệu Itel màu đen.
- 6) Huỳnh Thị K tạm giữ trên người: 7.800.000 đồng.
- 7) Phan Thị Ngọc N tạm giữ trên người: 10.300.000 đồng, một điện thoại di động Iphone màu vàng đã qua sử dụng.
- 8) Võ Thị Mỹ N1 tạm giữ trên người: 1.750.000 đồng, một điện thoại di động hiệu Samsung màu đen đã qua sử dụng.
- 9) Trần Ngọc S tạm giữ trên người: một điện thoại di động hiệu KingReat màu đen đã qua sử dụng.
- 10) Lê Thị H1 tạm giữ trên người: 9.494.000 đồng, một điện thoại di động hiệu Itel màu đen đã qua sử dụng.
- 11) Phan Thị Hồng T1 tạm giữ trên người: 4.600.000 đồng, một điện thoại di động hiệu VTRETU màu vàng đã qua sử dụng.
- 12) Nguyễn Văn R tạm giữ trên người: 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Đào Ngọc D và Nguyễn Cảnh E thỏa thuận cùng nhau tổ chức đánh bạc cho các đối tượng, cụ thể cả hai chuẩn bị chiếu, bài, mượn địa điểm tổ chức cho các đối tượng chơi đánh bài và thu tiền xâu. Nguyễn Cảnh E

trực tiếp gặp và thỏa thuận với Nguyễn Thị H để mượn địa điểm tại nhà sau của H làm nơi đánh bạc, cụ thể Cảnh E sẽ đưa cho H từ 50.000 đồng đến 70.000 đồng sau mỗi ngày đánh bạc. Số tiền xâu sau khi trả cho H, Cảnh E và D sẽ chia hai. Cảnh E và D bắt đầu tổ chức cho các đối tượng đánh bạc từ ngày 31/7/2020. Đến khoảng 14 giờ ngày 03/8/2020, Cảnh E và D đang tổ chức sòng bài tại khu đất trống phía sau nhà bà H, thuộc ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh H thì trời mưa. Lúc này, Cảnh E hỏi H để đánh bạc tại phía sau bếp nhà H, hứa đến cuối buổi sẽ cho tiền thì H đồng ý. Sau đó, cả nhóm dờ vào nhà bếp H đánh bạc thì bị lực lượng công an bắt quả tang. Về hình thức đánh bạc, các đối tượng chơi bài Tây loại 52 lá, hình thức chơi là bài binh Ấn Độ 06 lá, một tụ cái và khoảng 07 tụ đặt, làm cái xoay vòng (mỗi người làm cái ba bàn thì tới người kế tiếp, nếu không làm thì tới người kế tiếp, nếu làm cái ăn thì nộp xâu cho Cảnh Em từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng). Về số tiền mỗi tụ đặt từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng.

Về số tiền các bị cáo dùng tham gia đánh bạc chứng minh được như sau:

1. Đào Ngọc D: Khi đi đánh bạc mang theo 7.942.000 đồng, sử dụng 1.200.000 đồng để tham gia đánh bài, quá trình chơi Ta 700.000 đồng, khi bị bắt Công an tạm giữ 7.242.000 đồng, tiếp tục sử dụng 500.000 đồng đánh bạc.

2. Nguyễn Văn T2: Khi đi đánh bạc mang theo 2.000.000 đồng, sử dụng 100.000 đồng đánh bạc, quá trình chơi không ăn Ta, ván bài cuối đang ké 50.000 đồng trên chiếu bạc thì bị Công an bắt, 50.000 đồng đang cầm trên tay chạy bị rớt mất. Lực lượng Công an tạm giữ 1.900.000 đồng, không dùng đánh bạc.

3. Nguyễn Lê T: Khi đi đánh bạc mang theo 350.000 đồng, sử dụng 50.000 đồng để đánh bạc, đang ké tụ đặt 50.000 đồng trên chiếu bạc thì bị Công an bắt quả tang. Lực lượng Công an tạm giữ 300.000 đồng không dùng đánh bạc.

4. Huỳnh Thị K: Khi đi đánh bạc mang theo 7.400.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng đánh bạc, khi đánh bạc thắng được 400.000 đồng, khi bị bắt Công an tạm giữ 7.800.000 đồng, tiếp tục sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc.

5. Lê Thị H1: Khi đi đánh bạc mang theo 9.494.000 đồng, sử dụng 200.00 đồng đánh bạc, khi chơi thắng được 20.000 đồng, đang ké 20.000 đồng dưới chiếu bạc thì bị Công an bắt quả tang. Lực lượng Công an tạm giữ 9.494.000 đồng, trong đó H1 tiếp tục sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc.

6. Phan Thị Hồng T1: Khi đi đánh bạc mang theo 4.650.000 đồng, ăn bún hết 20.000 đồng, sử dụng 30.000 đồng đánh bạc thua. Đang làm cái thì lực lượng Công an vào bắt quả tang, tạm giữ 4.600.000 đồng, tiếp tục sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc.

7. Võ Thị Mỹ N1: Khi đi đánh bạc mang theo 1.600.000 đồng, sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc, khi đánh bạc thắng 150.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang tạm giữ 1.750.000 đồng. Lúc Công an bắt quả tang, N1 không còn tham gia đánh bạc.

8. Nguyễn Văn R: Khi đi đánh bạc mang theo 2.220.000 đồng, sử dụng 220.000 đồng đánh bạc, đánh thắng được 300.000 đồng, đưa xâu cho Cảnh E 20.000 đồng. Khi bị bắt Công an tạm giữ 2.500.000 đồng. Lúc Công an bắt quả tang, R không còn tham gia đánh bạc.

Tại Kết luận giám định pháp y về tâm thần theo trung cầu số 323/2020/KLGĐ ngày 25/12/2020 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nam Bộ đối với Nguyễn Lệ T kết luận (***bút lục 392-393***):

*“1. Kết luận:*

*- Về y học:*

*+ Tại thời điểm phạm tội: Đang sự không bệnh lý tâm thần.*

*+ Hiện tại: Đang sự có bệnh lý tâm thần: Rối loạn sự thích ứng (F43.2-ICD10).*

*- Về năng lực:*

*+ Tại thời điểm phạm tội: Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.*

*+ Hiện tại: Đang sự hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.*

*2. Ý kiến khác: Không./.”*

Tại Công văn số 323.0/PYTT ngày 25/12/2020 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực TN về năng lực trách nhiệm hình sự của Nguyễn Lệ T thể hiện: “Về trách nhiệm hình sự: Hiện tại: Đang sự có năng lực trách nhiệm hình sự

Tại thời điểm lực lượng Công an bắt quả tang, các đối tượng đang tham gia đánh bạc gồm: Đào Ngọc D, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Lệ T, Lê Thị H1 và Phan Thị Hồng T1. Đối với Huỳnh Thị K ván cuối khi lực lượng Công an bắt quả tang không có tham gia.

Đối với Phan Thị Ngọc N quá trình điều tra chứng minh được N có tham gia đánh bạc, tuy nhiên thời điểm Công an bắt quả tang N không còn tham gia. Tuy nhiên, N không thừa nhận hành vi tham gia đánh bạc.

Đối với Nguyễn Thị A, Trần Ngọc S, quá trình điều tra chứng minh được không có tham gia đánh bạc.

Đối với số tiền trên chiếu bạc 3.200.000 đồng đã tạm giữ, chứng minh được trong đó: 50.000 đồng của D, 50.000 đồng của T2, 50.000 đồng của T, 20.000 đồng của H1, còn lại là của các đối tượng đánh bạc khác bỏ chạy thoát để lại khi lực lượng Công an bắt quả tang.

Ngày 25/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành A đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 04/QĐ-CSĐT-ĐTTH trả lại 08 điện thoại di động đã qua sử dụng cho Phan Thị Hồng T1, Nguyễn Văn T2, Đào Ngọc D, Lê Thị H1, Võ Thị Mỹ N1, Nguyễn Thị H, Phan Thị Ngọc N, Trần Ngọc S; 1.000.000 đồng cho bà Võ Thị Mỹ N1, 2.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn R do không sử dụng vào việc phạm tội

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKS-HCTA ngày 05/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A truy tố các bị cáo Đào Ngọc D, Nguyễn Cảnh E, Nguyễn Thị H, Huỳnh Thị K, Phan Thị Hồng T1, Nguyễn Lê T, Lê Thị H1, Nguyễn Văn T2 về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

***Tại phiên toà:***

Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố đề nghị áp dụng:

Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đào Ngọc D từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.0000 – 15.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cảnh E từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.0000 – 15.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.0000 – 15.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị K từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.0000 – 15.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Thị H1 từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.0000 – 15.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Hồng T1 từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.0000 – 15.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s, q Khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ Luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê T từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.0000 – 15.000.000 đồng.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Giao các bị cáo Đào Ngọc D, Nguyễn Lê T, Huỳnh Thị K về Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Giao các bị cáo Nguyễn Cảnh E, Nguyễn Thị H, Phan Thị Hồng T1, Lê Thị H1 về Ủy ban nhân dân thị trấn CT, huyện C, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T2 về Ủy ban nhân dân xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Về tang vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.600.000 đồng bao gồm 3.200.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 1.000.000 đồng thu giữ trên người Phan Thị Hồng T1, 500.000 đồng thu giữ trên người Đào Ngọc D, 700.000 đồng thu giữ trên người Huỳnh Thị K, 200.000 đồng thu giữ trên người Lê Thị H1.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: Hai bộ bài Tây đã qua sử dụng, hai bộ bài tây chưa sử dụng, một chiếc chiếu lát.

- Trả lại cho Đào Ngọc D số tiền 6.742.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T2 số tiền 1.900.000 đồng; Trả lại cho Nguyễn Lê T số tiền 300.000 đồng; Trả lại cho Huỳnh Thị K số tiền 7.100.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Lê Thị H1 số tiền 9.294.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Phan Thị Hồng T1 số tiền 3.600.000 đồng. Trả lại cho Phan Thị Ngọc N số tiền 10.300.000 đồng.

Án phí buộc các bị cáo chịu theo quy định.

Luật sư Đặng Lợi Ng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê T phát biểu: thống nhất với đề nghị của kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của hình phạt.

Các bị cáo đã khai nhận về hành vi của mình như nội dung nêu trên và xin Tòa xem xét cho các bị cáo được hưởng hình phạt là phạt tiền.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Đào Ngọc D, Nguyễn Lê T, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị H, Huỳnh Thị K, Lê Thị H1, Phan Thị Hồng T1, Nguyễn Cảnh E khai nhận hành vi của mình như Cáo trạng đã nêu. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với các tài liệu, chứng cứ đã T thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 03/8/2020, tại nhà Nguyễn Thị H, thuộc ấp L, thị trấn CT, huyện C, tỉnh H lực lượng công an đã bắt quả tang Nguyễn Văn T2, Nguyễn Lê T, Lê Thị H1, Phan Thị Hồng T1, Đào Ngọc D, Huỳnh Thị K đang tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền do Nguyễn Cảnh E và Đào Ngọc D đứng ra tổ chức. Hình thức đánh bạc là chơi bài binh Ấn Độ 06 lá, một tụ cái và khoảng 07 tụ đặt, làm cái xoay vòng với số tiền đánh bạc là 5.600.000 đồng. Do đó hành vi của các bị cáo D, T, H1, T1, K, T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Cảnh E, Nguyễn Thị H tuy không tham đánh bạc nhưng Cảnh E là người đứng ra tổ chức đánh bạc và có thu sâu, Nguyễn Thị H dùng nơi ở của mình để các đối tượng đánh bạc và có thu lợi bất chính từ tiền thu sâu mà Cảnh E chia cho. Tuy không đủ cấu thành tội tổ chức đánh bạc và gá bạc nhưng các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là đồng phạm về tội đánh bạc.

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc đánh bạc là vi phạm pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến lĩnh vực trật tự an toàn công cộng, nếp sống văn minh lành mạnh của xã hội, đồng thời gây mất ổn định, tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

*Về tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

*Về tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn và thể hiện sự ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Lê T quá trình điều tra xác định được bị cáo có bệnh dẫn đến hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm q Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét về tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Tộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, không vi phạm mới trong thời gian được tại ngoại thể hiện sự ăn năn hối cải nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo tại địa phương và hình phạt bổ sung là phạt tiền cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo Đào Ngọc D vừa tham gia đánh bạc lại cùng với Nguyễn Cảnh E đứng ra T xâu từ các con bạc nên phải chịu trách nhiệm cáo nhất so với các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Cảnh E, Nguyễn Thị H tuy không trực tiếp đánh bạc nhưng lại cung cấp bài, chỗ ở để các bị cáo khác đánh bạc và có T xâu nên buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm cao hơn các bị cáo khác. Đối với bị cáo K có một tiền sự về tội đánh bạc chưa được xóa, bị cáo T có hai tiền sự chưa được xóa nhưng bị cáo được hưởng nhiều hơn các bị cáo khác một tình tiết giảm nhẹ. Do đó xét thấy cần áp dụng hình phạt đối với các bị cáo Cảnh E, H, T, K là ngang nhau.

Đối với bị cáo T2, H1, T1 không có tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Các bị cáo hiện tại không có việc làm ổn định do ảnh hưởng của dịch bệnh nên xét cho các bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập khi chấp hành hình phạt tại địa phương.

#### [5] Về vật chứng:

Đối với số tiền 5.600.000 đồng bao gồm 3.200.000 đồng T giữ tại chiếu bạc, 1.000.000 đồng T giữ trên người Phan Thị Hồng T1, 500.000 đồng thu giữ trên người Đào Ngọc D, 700.000 đồng thu giữ trên người Huỳnh Thị K, 200.000 đồng thu giữ trên người Lê Thị H1, tại phiên toà các bị cáo thừa nhận số tiền này được sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với hai bộ bài tây đã qua sử dụng, hai bộ bài tây chưa sử dụng, một chiếc chiếu lát là tang vật trong vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 6.742.000 đồng thu giữ của bị cáo Đào Ngọc D; số tiền 1.900.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T2; số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Lệ T; số tiền 9.249.000 thu giữ của bị cáo Lê Thị H1; số tiền 7.100.000 đồng thu giữ của Huỳnh Thị K và số tiền 3.600.000 đồng thu giữ của Phan Thị Hồng T1 là tài sản thuộc quyền sở hữu của các bị cáo không liên quan đến hành vi đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền 10.300.000 đồng thu giữ trên người Phan Thị Ngọc N, quá trình điều tra không xác định được N đã dùng bao nhiêu để tham gia đánh bạc nên cần trả lại.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều, Khoản, Điểm; tội danh; mức hình phạt; án phí... là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với phát biểu của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lệ T và đề nghị xem xét mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định và có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đào Ngọc D, Nguyễn Cảnh E, Nguyễn Thị H, Nguyễn Lệ T, Phan Thị Hồng T1, Lê Thị H1, Huỳnh Thị K, Nguyễn Văn T2 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đào Ngọc D 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền 10.000.0000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cảnh E 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền 10.000.0000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền 10.000.0000 đồng.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị K 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền 10.000.0000 đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Thị H1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền 10.000.0000 đồng.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Hồng T1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền 10.000.0000 đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền 10.000.0000 đồng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s, q Khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ Luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lệ T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung số tiền 10.000.0000 đồng.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Giao các bị cáo Đào Ngọc D, Nguyễn Lê T, Huỳnh Thị K về Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Giao các bị cáo Nguyễn Cảnh E, Nguyễn Thị H, Phan Thị Hồng T1, Lê Thị H1 về Ủy ban nhân dân thị trấn CT, huyện C, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T2 về Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

## 2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: hai bộ bài tây đã qua sử dụng, hai bộ bài tây chưa sử dụng, một chiếc chiếu lát.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 5.600.000 đồng bao gồm 3.200.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 1.000.000 đồng thu giữ trên người Phan Thị Hồng T1, 500.000 đồng thu giữ trên người Đào Ngọc D, 700.000 đồng thu giữ trên người Huỳnh Thị K, 200.000 đồng thu giữ trên người Lê Thị H1.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Đào Ngọc D tiền Việt Nam 6.742.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T2 tiền Việt Nam 1.900.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Lê T tiền Việt Nam 300.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Lê Thị H1 tiền Việt Nam 9.249.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Huỳnh Thị K tiền Việt Nam 7.100.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Phan Thị Hồng T1 tiền Việt Nam 3.600.000 đồng nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho Phan Thị Ngọc N tiền Việt Nam 10.300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành A;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành A;
- Đội CSTHHS và HTTP Công an huyện Châu Thành A;
- Đội CSĐTTP về TTXH Công an huyện Châu Thành A;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Mẫn**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim T1; Võ Văn Cho**

**Trần Minh Mẫn**